**Tiếng Việt**

**- 102+103 -**

**Bài 48: ôm, ôp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **ôm, ôp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôm, ôp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôm,** vần **ôp.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chậm... như thỏ.*

- Viết đúng các vần **ôm, ôp** và các tiếng **tôm, hộp** (sữa) (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

- Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Biết những câu vè nói ngược trong dân gian .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ti vi chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

- Vở bài tập tiếng việt 1

- Bảng con, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu** (5’)  - GV gọi HS đọc bài *Lừa và ngựa* (bài 47)  - GV mời HS nói lời khuyên của câu chuyện.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (2’)  - GV: Hôm nay, các em sẽ được học 2 vần mới, đó là vần **ôm,** vần **ôp**  **2. Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **ôm** (5’)  - GV chỉ vần **ôm** (từng chữ ô**, m)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ôm**    - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là con gì?  - GV giới thiệu con tôm  - GV giới thiệu mô hình tiếng **tôm**  - GV chỉ lại mô hình vần **ôm,** mô hình tiếng **tôm**  **2.2.** Dạy vần **ôp** (5’)  - GV chỉ vần **ôp** (từng chữ **ô, p)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ôp**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  ? Trong từ *hộp sữa* tiếng nào có vần **ôp**?  - GV giới thiệu mô hình tiếng **hộp**  - GV chỉ lại mô hình vần **ôp,** mô hình tiếng **hộp,** từ khoá.  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tìm tiếng có vần **ôm,** tiếng có vần **ôp)**  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa: *cốm* (thóc nếp non rang chín, giã sạch vỏ, màu xanh, hương vị thơm ngon), *đồ gốm* (sản phẩm làm từ đất sét, đưa vào lò nung).  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **ôm,** vần **ôp** trong VBT.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.    - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ôm**; có vần **ôp**.  **3.2. Tập viết (BT4 – Bảng con)** (10’)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV hướng dẫn HS viết vần **ôm, ôp**  - GV mời HS đọc vần **ôm, ôp,** nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV viết mẫu, hướng dần: viết **ô** trước, **m** sau; các con chữ **ô, m** đều cao 2 li; lưu ý viết **ô** và **m** không gần hay xa quá. / Làm tương tự với vần **ôp**  - GV yêu cầu HS viết: **ôm, ôp.**  c. Viết: **tôm, hộp sữa** (như mục b)  - GV viết **tôm:** viết **t** trước (cao 3 li), vần **ôm** sau.  - GV viết **hộp:** viết **h** cao 5 li, **p** cao 4 li, dấu nặng đặt dưới chữ **ô.**  - GV yêu cầu HS viết: **tôm, hộp sữa**    - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **ôm, ôp**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **ôm, ôp**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1 HS đọc  - 1HS nói lời khuyên  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc âm **ô,** chữ **m,** vần **ôm.**  - HS phân tích: vần **ôm** gồm có âm **ô** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ô - mờ - ôm** */* **ôm.**  - HS trả lời: Tôm  - HS nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: tờ - ôm - tôm */* tôm  - Cả lớp đánh vần, đọc tron: ô - mờ - ôm / tờ - ôm - tôm / tôm.  - HS đọc âm **ô,** chữ **p,** vần **ôp.**  - HS phân tích: vần **ôp** gồm có âm **ô** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ô - pờ - ôp / ôp**  - HS trả lời: Hộp sữa  - HS: Tiếng **hộp** có vần **ôp**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: ô - pờ - ôp / hờ - ôp - hôp - nặng - hộp  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần, đọc trơn: ô - pờ - ôp / hờ - ôp - hôp - nặng - hộp / hộp sữa.  - HS nói 2 vần mới học: **ôm, ôp,** 2 tiếng mới học: **tôm, hộp.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *lốp xe, cốm, đốm lửa, chôm chôm, tốp ca, đồ gốm*  - HS quan sát, nghe  - HS làm bài trong VBT  - HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: *Tiếng lốp (xe) có vần ôp. Tiếng cốm có vần ôm,...*  - HS tìm và nói  - HS đọc: **ôm, ôp, tôm, hộp sữa.**  - 1 HS thực hiện  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS nhận xét |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn đinh tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.3. Tập đọc** (BT 3) (32’)  a. GV đưa bài đọc lên bảng lớp, giới thiệu: Bài có tên là *Chậm... như thỏ.* Có đúng là thỏ rất chậm không? Câu chuyện *Thỏ thua rùa* các em đã học cho thấy: Thỏ phi nhanh như gió, rùa thì bò rất chậm chạp, vất vả. Nhưng thỏ vẫn thua rùa vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo, chứ không phải vì thỏ chậm. Người ta thường nói “chậm như rùa”, không ai nói “chậm như thỏ”. Nhưng bài vè này nói ngược lại với sự thật: *Chậm như thỏ /Lẹ như rùa.* Cách nói ngược làm bài vè trở nên thú vị.  b. GV đọc mẫu:  - GV đọc bài: giọng vui, chậm rãi; vừa đọc (2 dòng thơ một), vừa chỉ vào hình ảnh từng con vật, sự vật; kết hợp giải nghĩa từ, giúp HS hiểu cách nói ngược  c. Luyện đọc từ ngữ:  - GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **mổ mổ, liếm la, nhu mì, gã cọp, phốp pháp, ốm o, la to, chậm, lẹ** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy dòng?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu  e. Thi đọc đoạn, bài  - GV tổ chức thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 dòng/ 6 dòng).  g. Tìm hiểu bài đọc  1. Nói ngược (như SGK)  - GV đưa nội dung BT lên bảng lớp, nêu YC: Trong bài vè, 2 dòng thơ tạo thành một cặp, có nội dung trái ngược nhau, trái ngược với thực tế. GV chỉ từng dòng, đọc 2 chữ đầu câu, cả lớp nói tiếp để hoàn thành các câu **nói ngược.**  - GV nói 2 chữ đầu mỗi dòng, HS nói 2 chữ sau.  - Lặp lại 1 HS xướng lên 2 chữ đầu câu - cả lớp đồng thanh đọc nhỏ.  2. Nói đúng thực tế  - GV đọc 2 dòng thơ đầu, sau đó hỏi: ? Nói đúng sự thật thì phải thế nào?  - GV vẽ mũi tên đảo vị trí từ  - GV làm tương tự với các dòng thơ tiếp theo.  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại bài Tập đọc  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV mời cảlớp đọc lại nội dung 2 trang sách vừa học, từtên bàiđến hết bài Tập đọc  - Nhận xét giờ học  - Dặn HS về đọc lại truyện *Chậm… như thỏ* cho người thân nghe, chuẩn bị bài tiết sau. | - HS nghe và quan sát  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 10 dòng  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS đọc  - 1HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS nghe  - HS đọc  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời  - HS quan sát, lắng nghe  - HS thực hiện  - Cả lớp đọc |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………